

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HS-ST

Ngày: 30 - 11 -2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Khanh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lê Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2023/TLST- HS ngày 07 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Trần Thị H1 bị cáo có vợ là Lê Thị D1 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Ninh Thị H**, sinh năm 1987 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 7A Tây, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn H2 và bà Ngô Thị B bị cáo có chồng Phạm Văn T1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân:

+Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 18/01/2017 của Công an xã C xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 18/01/2017

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**3. Bùi Văn C**, sinh năm 1977 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T2 và bà Đinh Thị N2 bị cáo có vợ là Hoàng Thị Q và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân:

+ Bản án số 04/2014/HSST ngày 13/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 6.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí về tội “Đánh bạc”. Ngày 13/03/2014 chấp hành xong án phí, ngày 09/4/2015 chấp hành xong hình phạt.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**4. Phạm Văn Đ**, sinh năm 1993 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân L và bà Phạm Thị T3 bị cáo có vợ là Phạm Thị T4 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018.

**Chức vụ, đảng phái: Đảng viên**, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đang sinh hoạt tại Chi bộ xóm Đ, xã V, huyện K. Quyết định số 43 ngày 13/9/2023 của Ủy ban kiểm tra - Huyện ủy K đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 12/9/2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**5. Phạm Văn T5**, sinh năm 1985 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 5, xã K1, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T6 và bà Nguyễn Thị M bị cáo có vợ là Lê Thị X và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**6. Hoàng Văn V**, sinh năm 1978 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V1 (đã chết) và Phạm Thị A bị cáo có vợ là Phạm Thị H3 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**7. Đinh Văn C1**, sinh năm 1977 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C2 và Nguyễn Thị L1 bị cáo có vợ là Nguyễn Thị K và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**8. Hoàng Văn D**, sinh năm 1980 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V1 (đã chết) và Phạm Thị A bị cáo có vợ là Lê Thị T7 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Trương Văn T8; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, khoảng 15 giờ ngày 28/8/2023, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Phạm Văn Đ và Bùi Văn C đến nhà Nguyễn Văn T chơi. Quá trình ngồi uống nước nói chuyện, T rủ mọi người “Đánh bạc” ăn tiền, tất cả đồng ý. Đ đi mua 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, T nói với mọi người sang nhà anh Nguyễn Văn C3, sinh năm 1968 là anh trai T (bên cạnh nhà T) do anh C3 đi làm ăn xa để nhà cho T trông coi, quản lý để đánh bạc, T sang chơi sau. Sau đó, T5, V, Đ và C sang nhà anh C3 ngồi trên thảm vải đã trải sẵn, đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Liêng”, đặt cược mỗi ván từ 10.000đồng, đánh cao nhất 100.000đồng. Khoảng 30 phút sau, Ninh Thị H đến, tiếp đó 15 phút lần lượt Đinh Văn C1 và Hoàng Văn D đến cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 17 giờ, T cùng vào tham gia đánh bạc với các đối tượng. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi T5, V, Đ, C, Hồng, C1, D và T đang đánh bạc thì bị Công an huyện K phối hợp với Công an xã V phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.540.000đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc thảm vải; thu trong ví da, túi xách để trên thảm vải số tiền 4.110.000đồng (T5 có 110.000đồng, H có 4.000.000đồng); thu trên người các đối tượng số tiền 11.000.000đồng, 01 ví da (V có 8.000.000đồng, C có 2.400.000đồng, C1 600.000đồng), 08 điện thoại di động và 07 xe mô tô các loại (T 01 điện thoại Samsung Galaxy A6; V 01 điện thoại Oppo A15, 01 xe mô tô BKS 35H1-3740; T5 01 điện thoại Samsung J7, 01 xe mô tô BKS 51S1-9104; C 01 điện thoại Vivo Y16, 01 xe mô tô BKS 35N6-1819; Đ 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, 01 xe mô tô 35B2-18748; H 01 điện thoại Samsung Galaxy A32, 01 xe mô tô BKS 35K1-01416; C1 01 điện thoại Iphone 6S, 01 xe mô tô BKS 35F5-6414; D 01 điện thoại Oppo A12, 01 xe mô tô BKS 35K1-18335).

Quá trình điều tra xác định số tiền thu giữ của H, T5 và C1 đều sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **14.250.000đồng**.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Bản Cáo trạng số 72/CT-VKS -KS ngày 04/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Ninh Thị H, Bùi Văn C, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D, Phạm Văn Đ và Đinh Văn C1 về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Ninh Thị H, Bùi Văn C, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D, Phạm Văn Đ và Đinh Văn C1 phạm tội đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn C.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Ninh Thị H, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D, Phạm Văn Đ và Đinh Văn C1. Bị cáo Ninh Thị H, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D, Phạm Văn Đ áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T từ 30 triệu đồng đến 33 triệu đồng.

Xử phạt Ninh Thị H, Phạm Văn Đ, Bùi Văn C mỗi bị cáo từ 27 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Xử phạt Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D và Đinh Văn C1 mỗi bị cáo từ 25 triệu đồng đến 27 triệu đồng.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền **14.250.000đồng** do các bị cáo sử dụng đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 tấm ngời dạng tấm vải màu đỏ vàng, hai ví da.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn V số tiền 8.000.000đồng, trả lại cho bị cáo Bùi Văn C số tiền 2.400.000đồng, trả lại cho Ninh Thị H 01 túi xách nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Ninh Thị H, Bùi Văn C, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D, Phạm Văn Đ và Đinh Văn C1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa như nội dung cáo trạng, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lập hồi 17 giờ 30 phút ngày 28 tháng 08 năm 2023, phù hợp với vật chứng đã thu giữ đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 30 phút ngày 28/8/2023, tại xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn V, Phạm Văn T5, Bùi Văn C, Phạm Văn Đ, Đinh Văn C1, Ninh Thị H và Hoàng Văn D đã có hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức “Liêng” với số tiền 14.250.000 đồng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

#### **“Điều 321. Tội đánh bạc**

*1.Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Văn V, Phạm Văn T5, Phạm Văn Đ, Đinh Văn C1, Ninh Thị H và Hoàng Văn D phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy cả 7 bị cáo T, V, T5, Đ, C1, H và D đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Bùi Văn C được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn Đ đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ. Bị Cáo Ninh Thị H có bố được thưởng huân chương C1 công hạng ba. Bị cáo Hoàng Văn V và Hoàng Văn D có bố được tặng thưởng Huân chương kháng C1 chống Mỹ cứu nước. Nên các bị cáo H, Đ, V, D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây và vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cả thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi sự việc đánh bạc, dùng nhà của anh trai mình cho các đối tượng sử dụng để đánh bạc, bản thân bị cáo cũng trực tiếp tham gia nhiệt tình đánh bạc cùng với các đối tượng khác mặc dù tham gia sau nhưng cũng tham gia chơi cho đến khi bị bắt quả tang, như vậy bị cáo đóng vai trò cao nhất trong vụ án.

Giữ vai trò thứ hai trong vụ án án là các bị cáo Ninh Thị H, Phạm Văn Đ và Bùi Văn C. Mặc dù không tham gia sát phạt ngay từ đầu nhưng bị cáo H có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là nhiều nhất trong các bị cáo. Bị cáo Đ có số tiền đánh bạc ít nhưng là người trực tiếp đi mua bộ bài tú lơ khơ và tham gia sát phạt ngay từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Bị cáo C có nhân thân xấu. Như vậy xét về vai trò của ba bị cáo H, Đ và C là ngang nhau trong vụ án và thấp hơn bị cáo T và cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Hoàng Văn V, Phạm Văn T5, Hoàng Văn D và Đinh Văn C1. Cả bốn bị cáo đều có số tiền đánh bạc tương đương nhau và ít hơn các bị cáo khác, hai bị cáo D và C1 vào tham gia đánh bạc sau cùng. Như vậy vai trò của các bị cáo V, T5, D, C1 là ngang nhau và thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

Xét tính chất vai trò, nhân thân của các bị cáo thì tất cả các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản thân các bị cáo đều đang có công ăn việc làm ổn định tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, việc các bị cáo đánh bạc là do ham vui, nhất thời phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng mức hình phạt chính bằng tiền đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: 08 điện thoại di động và 06 xe mô tô các loại là tài sản của các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan - C3 sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho các bị cáo. Đối với xe mô tô BKS 51S1-9104 thu giữ của Nguyễn Văn T5, qua điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan C3 sát điều tra Công an huyện K đã đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền 14.250.000đ do các bị cáo sử dụng đánh bạc nay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Số tiền 8.000.000đ thu giữ của bị cáo Hoàng Văn V và 2.400.000đ thu giữ của bị cáo Bùi Văn C do không liên quan đến việc phạm tội nay cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 tấm ngò, dạng tấm vải màu đỏ vàng các bị cáo sử dụng để đánh bạc nay không còn giá trị sử dụng nay cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ví da thu giữ của bị cáo T5; 01 ví da thu giữ của bị cáo C tại phiên tòa các bị cáo xác định do không còn giá trị sử dụng và không đề nghị nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

01 túi sách của bị cáo H không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị nhận lại nên nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo T, V, D, T5, Đ, C, H, C1 là những người bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

[8] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T5, Đinh Văn C1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ninh Thị H, Phạm Văn Đ, Hoàng Văn V, Hoàng Văn D.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Căn cứ và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Ninh Thị H, Bùi Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Đinh Văn C1, Hoàng Văn D phạm tội đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 32 (*ba mươi hai*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Ninh Thị H 30 (*ba mươi*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 30 (*ba mươi*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 30 (*ba mươi*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T5 27 (*hai mươi bảy*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 27 (*hai mươi bảy*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn C1 27 (*hai mươi bảy*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 27 (*hai mươi bảy*) triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.250.000đ do các bị cáo sử dụng đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 thảm ngồi dạng thảm vải màu đỏ vàng. **01 ví da thu giữ của bị cáo T5; 01 ví da thu giữ của bị cáo C.**

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn V số tiền 8.000.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn C số tiền 2.400.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Ninh Thị H một túi sách nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

( Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 11 năm 2023 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Ninh Thị H, Bùi Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T5, Hoàng Văn V, Đinh Văn C1, Hoàng Văn D. mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 11 năm 2023).

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình; 01 bản
- VKSND huyện K: 01 bản
- Công an huyện K: 01 bản
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K: 01 bản
- Đảng bộ xã V, huyện K: 01 bản
- Bị cáo; 8 bản
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án: 02 bản

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

***Trần Thị Khanh***